

Số: 12 /QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế Công bố thông tin

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 ;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020 ;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 ;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 quy định Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ;

Căn cứ Điều lệ năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD3;

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty năm 2022 của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD3 ;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 41 NQ/LTĐU-HĐQT ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Đảng ủy và HĐQT về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế tài chính và các quy chế nội bộ của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3;

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 thay thế cho Quy chế Công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 61/QĐ-HUD3 ngày 26/11/2008.

**Điều 2.** Quy chế Công bố thông tin sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Các thành viên Ban Giám đốc, Người nhận ủy quyền công bố thông tin, Ban Kiểm soát, các Phòng, Ban trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu Vp.



Vương Đăng Phương

**TỔNG CÔNG TY  
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3**

.....  
**Địa chỉ: Tòa nhà HUD3 Tower, số 121-123 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội**

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**HÀ NỘI – THÁNG 8 NĂM 2022**

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2022

## QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT... ngày 09/8/2022 của HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3)*

### CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Mục đích, ý nghĩa của quy chế công bố thông tin**

Quy chế này tạo chuẩn mực, trình tự trong việc triển khai thực hiện nghiệp vụ công bố thông tin của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 (Công ty HUD3) đảm bảo thực hiện một cách đồng bộ, chính xác, tuân thủ đúng quy định pháp luật cho các bộ phận liên quan trong Công ty, nhà đầu tư, các đối tượng có liên quan.

Quy chế này cũng nhằm nâng cao hiệu quả làm việc giữa Công ty và các nhà đầu tư, khai thác và phát triển các mối quan hệ này nhằm mục đích phục vụ tốt nhất cho hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán.

#### **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh**

##### 1. Phạm vi điều chỉnh:

1.1. Quy chế này quy định về cách thức, trình tự thực hiện việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán đối với công ty niêm yết và công bố thông tin đối với doanh nghiệp nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

1.2. Quy chế này quy định về việc phối hợp giữa các phòng, ban chuyên môn trực thuộc công ty, người thực hiện công bố thông tin, người nhận ủy quyền công bố thông tin và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

##### 2. Đối tượng điều chỉnh:

2.1. Người công bố thông tin; người nhận ủy quyền công bố thông tin;

2.2. Các phòng, ban liên quan gồm: phòng Tài chính kế toán, phòng Tổ chức hành chính, người phụ trách quản trị công ty;

2.3. Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty:

### **Điều 3. Định nghĩa và viết tắt**

1. Các khái niệm, thuật ngữ sử dụng tại quy chế này được hiểu theo định nghĩa/giải thích tại Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 47/2021/NĐ-CP và Thông tư 96/2020/TT-BTC.

2. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3
- UBCK NN : Ủy ban chứng khoán nhà nước
- IDS PRO : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCK : Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- VSD : Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- TTCKVN : Thị trường chứng khoán Việt Nam
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- GD : Giám đốc
- KTT : Kế toán trưởng
- BCTC : Báo cáo tài chính
- CDL : Cổ đông lớn
- CPQ : Cổ phiếu quỹ
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- CTĐC : Công ty đại chúng
- NNB : Người nội bộ
- NCLQ : Người có liên quan

### **Điều 4. Nguyên tắc CBTT**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
3. Người cung cấp nội dung CBTT và người thực hiện công tác CBTT (đối tượng CBTT) phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi trước đó.

4. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

5. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. Trường hợp cá nhân đó không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

6. Ngôn ngữ CBTT là tiếng Việt trừ trường hợp nhà đầu tư có quốc tịch nước ngoài và CBTT trên SGDCK, VSD thì CBTT bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

## **Điều 5. Phương tiện công bố thông tin**

1. CBTT trên TTCK

1.1. Trang thông tin điện tử của Công ty, chuyên mục Quan hệ cổ đông.

1.2. Hệ thống IDS Pro.

1.3. Cổng thông tin điện tử SGDCK.

1.4. Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật trong một số trường hợp.

2. CBTT theo quy định áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước

2.1. Trang thông tin điện tử của Công ty, chuyên mục Quan hệ cổ đông.

2.2. Cổng thông tin doanh nghiệp.

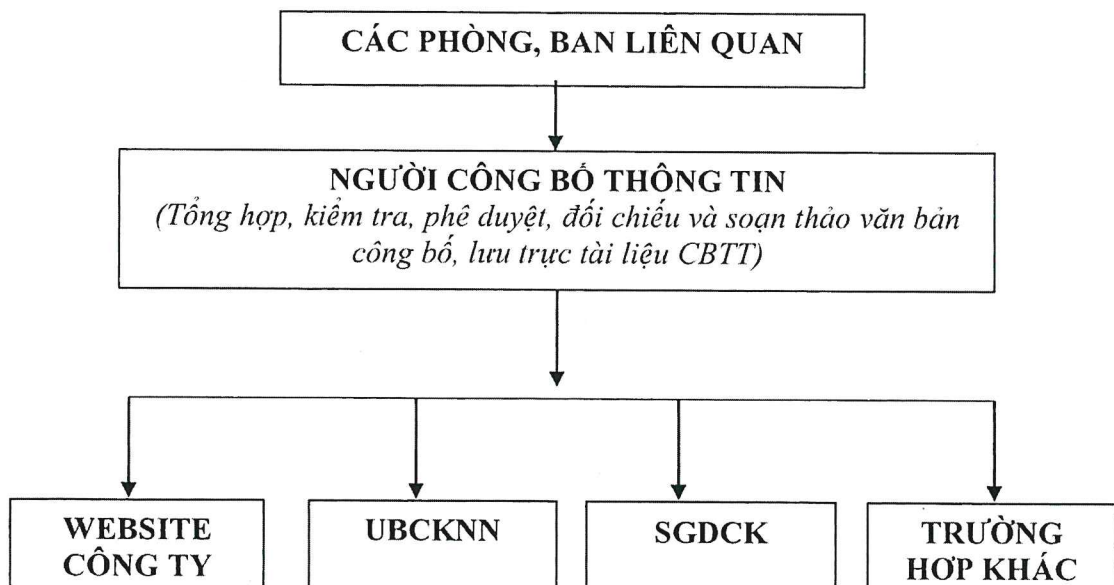
## **Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin của Công ty**

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua Giám đốc (người đại diện theo pháp luật) hoặc 01 cá nhân là người được Giám đốc ủy quyền công bố thông tin.
2. Giám đốc phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.
3. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì các phó giám đốc có mặt tiến hành họp để bầu hoặc chỉ định 01 người trong số các Phó giám đốc chịu trách nhiệm công bố thông tin;
4. Công ty có trách nhiệm phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

## **CHƯƠNG II. CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

### **Điều 7. Công ty công bố thông tin**

1. Sơ đồ thực hiện:



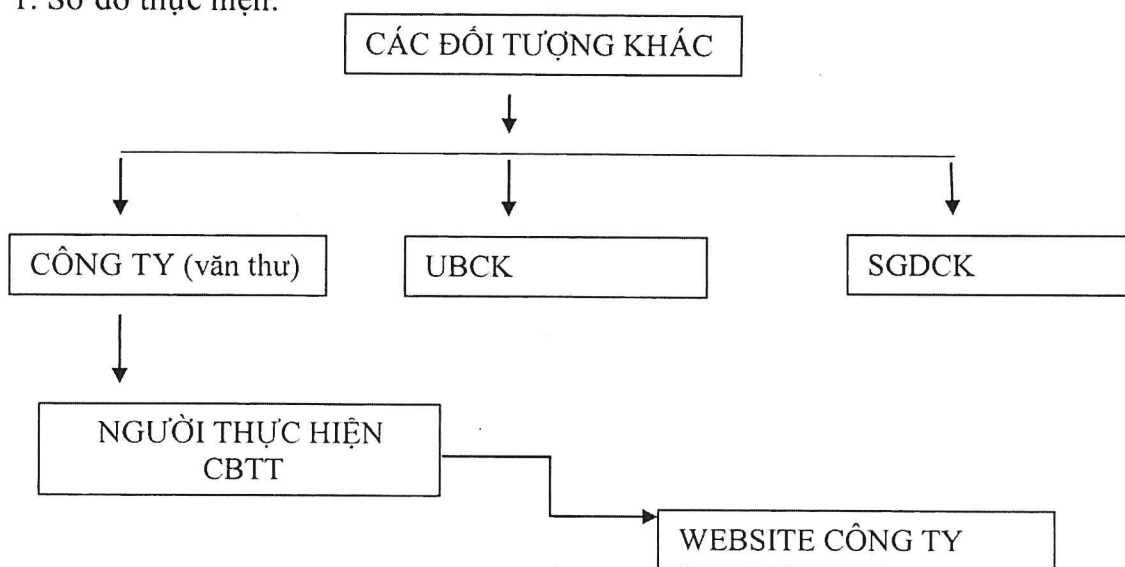
2. Nội dung công bố thông tin

Các đối tượng quy định tại điểm 2.1, 2.2 Điều 2 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định từng phụ lục cụ thể trong Quy chế này, cụ thể:

- Phòng Tài chính kế toán: Phụ lục 1.1;
- Phòng Tổ chức Hành chính: Phụ lục 1.2;
- Người quản trị công ty: Phụ lục 1.3

### **Điều 8. Các đối tượng khác CBTT**

1. Sơ đồ thực hiện:



2. Nội dung công bố: Theo quy định tại phụ lục 2

## **CHƯƠNG III. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO QUY ĐỊNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC**

### **Điều 9. Nội dung công bố thông tin:**

1. Công bố định kỳ các nội dung:

1.1. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

1.2. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm theo nội dung quy định tại Biểu số 3 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

1.3. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 5 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;

1.4. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 6 Phụ lục II kèm theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

1.5. Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có) theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trong vòng 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

## 2. Công bố bất thường:

Doanh nghiệp phải công bố trên trang thông tin điện tử trong vòng 24h, và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của công ty; Công thông tin doanh nghiệp về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều 110 Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 10. Phối hợp giữa các phòng, ban, cá nhân:**

Các phòng, ban trong công ty, các cá nhân thực hiện CBTT phối hợp với nhau để thực hiện CBTT đối với doanh nghiệp nhà nước tương tự như đối với CBTT trên thị trường chứng khoán.

## **CHƯƠNG IV. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 11. Trách nhiệm của người thực hiện CBTT**

1. Người thực hiện CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCK, SGDCK, nhà đầu tư và các đơn vị có liên quan khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Người thực hiện CBTT tiếp nhận, xử lý thông tin từ các phòng, ban chức năng cung cấp các thông tin theo quy chế này. Trưởng các phòng, ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người thực hiện công bố thông tin.



3. Đối với những thông tin bất thường, các phòng, ban chức năng nơi phát sinh thông tin cần công bố có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cho người thực hiện công bố thông tin trong vòng 18h kể từ thời điểm phát sinh sự kiện.

4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

### **Điều 12. Xử phạt vi phạm về CBTT**

Trong trường hợp Người thực hiện CBTT, các đối tượng quy định tại điểm 2.3 Điều 2 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này thì Giám đốc công ty báo cáo với HĐQT để đưa ra phương án xử lý như sau:

- Xem xét kéo dài thời hạn tăng lương theo Quy chế trả lương CBNV khối văn phòng hoặc cách chức theo Nội quy lao động.
- Chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ.
- Yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.
- Làm đơn trình báo ra cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 13. Triển khai thực hiện**

1. Các đối tượng trong phạm vi điều chỉnh của Quy chế này có trách nhiệm thực hiện Quy chế.

2. Trong trường hợp có những quy định pháp luật có liên quan đến CBTT chưa được đề cập đến trong Quy chế này thì sẽ thực hiện CBTT theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ quy chế này do HĐQT quyết định.

4. Quy chế này thay thế Quy chế công bố thông tin trên website UBCKNN được ban hành kèm theo quyết định số 61/QĐ-HUD3 ngày 26/11/2008 của HĐQT Công ty HUD3. *th*

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
HUD3  
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI



**Vương Đăng Phương**

**PHỤ LỤC 1.**  
**HƯỚNG DẪN PHỐI HỢP CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CBTT CỦA CÔNG TY HUD3**

**1.1. PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
<b>A</b>	<b>CBTT ĐỊNH KỲ</b>			
1	Báo cáo tài chính quý	Tối đa không quá 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 17 ngày kể từ ngày kết thúc quý	
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Chậm nhất ngày 26/08	
3	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Chậm nhất ngày ngày 25/3	
4	Báo cáo thường niên	trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Trong thời hạn 19 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
	<p>Lưu ý: Khi CBTT các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm, phòng TCKT phải có giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</p> <p>b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</p> <p>c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</p>			
<b>B</b>	<b>CBTT BẤT THƯỜNG</b>			

1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
2	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật);	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
3	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
4	Thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng);	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
5	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
6	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
7	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
8	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Trong thời hạn không quá 87 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	
9	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10%	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	3 ngày trước ngày hết hạn.	

11	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty đại chúng phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính	trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	3 ngày trước ngày hết hạn	
----	---	--	---------------------------	--

## 1.2: PHÒNG TÔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
<b>A</b>	<b>CBTT BẤT THƯỜNG</b>			
1	Khi nhân được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
2	thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
3	thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
4	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
5	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
6	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	

7	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
8	Thành lập mới hoặc đóng cửa chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	

### 1.3. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Ghi chú
<b>A CBTT ĐỊNH KỲ</b>				
1	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm		Người nhận ủy quyền CBTT lập báo cáo và người phụ trách quản trị Công ty duyệt báo cáo
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kết thúc năm dương lịch.		Người nhận ủy quyền CBTT lập báo cáo và người phụ trách quản trị Công ty duyệt báo cáo
<b>B CBTT BẤT THƯỜNG</b>				
1	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
2	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
3	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	

	ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;			
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
7	Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
10	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
11	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
12	CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	

13	CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
14	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	1 ngày trước thời hạn chốt CBTT	
15	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết			
a	<i>Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu</i>	<i>24h kể từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán</i>	<i>18h kể từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà</i>	
b	<i>Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ</i>	<i>24h tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;</i>	<i>18h kể từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà</i>	
c	<i>Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lẻ</i>	<i>trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;</i>	<i>1 ngày trước thời hạn CBTT</i>	
16	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến trừ trường hợp thực hiện quyền hợp ĐHDCĐ	1 ngày trước thời hạn chốt CBTT	
<b>C</b>	<b>CBTT theo yêu cầu</b>			
1	Danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn	Theo yêu cầu của SGDCCK	Phù hợp với yêu cầu của SGDCCK	
2	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCCK	Trong thời hạn 18 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của	



			UBCKNN, SGDCK	
3	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	Trong thời hạn 18 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	
<b>D</b>	<b>Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường</b>			
1	CBTT về lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến		Người nhận ủy quyền CBTT lập báo cáo và người phụ trách quản trị Công ty duyệt báo cáo
2	Thông báo mời họp, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông	1 ngày trước thời hạn chốt CBTT	
3	Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội. <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;</i>	Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin	18h kể từ khi phát sinh thông tin	
<b>E</b>	<b>Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b>			
1	CBTT về lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến		Người nhận ủy quyền CBTT lập báo cáo và người phụ trách quản trị Công ty duyệt báo cáo
2	CBTT phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các tài liệu đính kèm	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	1 ngày trước thời hạn chốt CBTT	

3	<p>Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội.</p> <p><i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;</i></p>	<p>Trong thời hạn 24h kể từ khi phát sinh thông tin</p>	<p>18h kể từ khi phát sinh thông tin</p>	
---	---	---	--	--

## **PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**

### **I. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.**

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN, SGDCCK trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết thì phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCCK trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.

- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo của cổ đông.

### **II. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN, SGDCCK khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch.

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc điểm Điều này được miễn trừ nghĩa vụ “thực hiện giao dịch trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký” và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký.

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định đối với cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin đối với người nội bộ và người có liên quan đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định đối với cổ đông lớn thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định đối với cổ đông lớn.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty của

Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.